

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 562/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Bà Dương Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/12/2000. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho ông ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thanh Thanh, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phương Trâm, sinh ngày 20/6/2006. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, bà T cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng. Về nội dung: Do ông C, bà T có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ đầu năm 2020 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà T cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông C ly hôn với bà T. Về con chung: Do cháu Trâm được ông C nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo biên bản ghi ý kiến thì nguyện vọng của cháu Trâm là được sống với ông C nên cần giao cháu Trâm cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Tại phiên tòa, ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông C và bà T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc T sống chung năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/12/2000 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Ông C yêu cầu được ly hôn, bà T vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc T có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ đầu năm 2020. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà T cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông C. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông C được quyền ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thanh Thanh, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phương Trâm, sinh ngày 20/6/2006, hiện đang sống chung với ông C. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Trâm do ông C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên thì nguyện vọng của cháu Trâm là được sống với ông C nên cần giao cháu Trâm cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn C được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Trâm, sinh ngày 20/6/2006 cho ông Nguyễn Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0002623 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Vũ